

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 17/2019/HNGĐ - ST
Ngày 18 tháng 6 năm 2019
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hồng Phúc và bà Phạm Thị Phương Linh.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2019/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Khu 1, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, (có mặt);

Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1985 ; nơi cư trú: Thôn 10, xã T, huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 3 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Chị và anh Trần Văn H kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ vào ngày 29/12/2009. Trước khi kết hôn cả hai người đều được tự do tìm hiểu và chưa ai kết hôn lần nào. Sau ngày cưới chị và anh H thuê trọ tại thành phố V để làm ăn chứ chị không về làm dâu nhà anh H. Quá trình chung sống, ban đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 6 năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần, anh H không có trách nhiệm gì với vợ con. Khi

phát hiện ra việc chơi bời của anh H, chị có khuyên nhủ nhưng anh H không nghe lại còn chửi bới đánh đập chị nên chị và anh H đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị và anh H không ai quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn lại được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn H

Bị đơn là anh Trần Văn H, được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án không thể lấy được lời khai của anh H. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, lấy lời khai của anh Trần Văn Q là em trai ruột của anh H.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/5/2019, anh Q xác định.

Về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống và mâu thuẫn của vợ chồng chị T xảy ra như lời trình bày trên của chị T là đúng. Anh Q thừa nhận, sau khi vợ chồng chị T xảy ra mâu thuẫn. Tháng 6/2017 vợ chồng chị T sống ly thân nhau, đến khoảng tháng 7 hoặc tháng 8 năm 2017 anh H về nhà sống cùng với bố mẹ đẻ và anh Q ở xã T. Trong thời gian vợ chồng anh H sống ly thân, gia đình nhiều lần giàn xếp để vợ chồng anh H về đoàn tụ nhưng không có kết quả, hiện tại anh H đang đi lái máy cày ở Hà Nội nhưng anh không biết chính xác địa chỉ của anh Hải ở đâu. Thời điểm chị Thẩm xin ly hôn, tuy anh H không có mặt ở nhà nhưng khi Tòa án gửi các văn bản về cho anh H, anh là người trực tiếp nhận các văn bản của Tòa án. Sau khi nhận được văn bản của Tòa án, anh đã trực tiếp thông báo cho anh H biết nội dung văn bản của Tòa án và bảo anh H về Tòa án Yên Lạc để giải quyết việc ly hôn nhưng anh H đang đi làm xa không về Tòa án để làm việc được và có quan điểm là để Tòa án giải quyết, anh sẽ không về làm việc với Tòa án.

Về con chung: Chị T và anh Q đều xác định, vợ chồng chị T có 01 con chung là Trần Hải Đ, sinh ngày 08/09/2010, hiện tại cháu Đ đang ở với chị T. Ly hôn, chị T xin được nuôi con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại do anh H vắng mặt nên Tòa án chưa thể lấy ý kiến của anh H được. Tại bản lấy lời khai ngày 09/4/2019, cháu Trần Hải Đ sinh ngày 08/9/2010 là con chung của anh H và chị T có nguyện vọng xin được ở với mẹ.

Về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở; đất canh tác; công nợ và công sức: Chị T xác định vợ chồng không có gì nên ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán; Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ và tuân theo

đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn không có mặt, không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nên đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng T và cho chị T được ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Giao cho chị T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 08/09/2010. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, không ai được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung của anh H. Sau này, khi nào anh Hải trở về nếu anh H có yêu cầu xin chuyển dịch quyền nuôi con thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Còn về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hồng T là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với bị đơn là anh Trần Văn H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

Anh Trần Văn H là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Văn H.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị T xác định, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Căn cứ vào lời

trình bày của chị T; anh Q là em trai ruột anh H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã T. Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị T và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ cho nên cần xác định cuộc hôn nhân của chị T và anh H là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, chị T và anh Q đều thừa nhận. Trong cuộc sống hàng ngày, chị T và anh H có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do giữa chị T và anh H không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cả chị T và anh H không ai tìm biện pháp để hàn gắn tình cảm mà chọn cách sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, chị T và anh H đều không còn ai quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Anh H tuy biết việc chị T xin ly hôn nhưng cũng không về làm việc để hàn gắn tình cảm. Điều đó chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh H đã dần nứt đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, thấy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho chị T được ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Vợ chồng chị T có 01 con chung là Trần Hải Đ, sinh ngày 08/09/2010, hiện tại cháu Đ đang sống cùng chị T. Ly hôn chị T có nguyện vọng xin được nuôi con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng của cháu Đ xin được ở với mẹ. Hiện nay, anh H không có mặt ở nhà nên Tòa án không lấy được lời khai của anh H. Vì vậy, Hội đồng xét xử không biết được nguyện vọng của anh H ra sao. Để thuận lợi trong việc trông nom, chăm sóc và tránh làm sáo trộn cuộc sống cũng như ảnh hưởng đến tâm lý của cháu Đ. Hội đồng xét xử giao cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Hải Đ. Sau này, khi anh H trở về nếu anh Hải có nguyện vọng nuôi con thì anh H sẽ đề nghị chuyển dịch quyền nuôi con bằng một vụ án khác. Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, hiện tại anh H không có mặt ở nhà nên Tòa án không lấy được lời khai của anh H để biết được nguyện vọng của anh H. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu toàn bộ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì vậy quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn với anh Trần Văn H.

2/ Về con chung: Giao cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 08/09/2010 cho chị Nguyễn Thị Hồng T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con thành niên. Anh Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị T, không ai được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung của anh H.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000705 ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Chị T đã nộp đủ.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường Vân Phú, thành phố Việt Trì;
- Lưu HS, VT;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Hạnh